

Phẩm thứ năm: HOA TẠNG THẾ GIỚI
(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 8 trong kinh)

A- Ý ĐƯA RA: Phẩm trước tổng quát trình bày về sát hải của chư Phật, nay phẩm này riêng biệt trình bày về quả thuộc Y báo mà Đức Bồ Sư đã trang nghiêm, giải đáp câu hỏi về Thế giới hải, cho nên tiếp theo đưa ra.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Dựa theo bản tiếng Phạn, nói đầy đủ là Hoa Tạng Trang Nghiêm Nghiêm Cụ Thế Giới Hải Chi Biến Thanh Tịnh Công Đức Hải Quang Minh Phẩm. Người dịch ngại vì nhiều chữ, mới trở thành quá tóm tắt. Thích hợp nên nói là Liên Hoa Tạng Trang Nghiêm Thế Giới Hải Phẩm, nghĩa là nơi hoa sen hàm chứa hạt sen, gọi đó là Tạng.

Nay chủng loại của quốc độ và quốc độ, là do Đại Liên Hoa đã hàm tàng, cho nên nói là Hoa Tạng. Trong đó, mỗi một cảnh giới đều có trần số sát hải với công đức thanh tịnh, cho nên nói là Trang Nghiêm; thế giới sâu rộng cho nên gọi là Hải. Có nơi nói rằng: “Thế giới dựa vào biển, cho nên thiết lập tên gọi là Hải thì sợ rằng không hợp với ý văn, bởi vì văn sau nói: Hoa Tạng trang nghiêm thế giới hải an trú ở giữa đóa hoa. Bản tiếng Phạn nói là Nghiêm Cụ, tức là chủ thể trang nghiêm; nói là Biến Thanh Tịnh Công Đức Hải Quang Minh, tức là hiển bày về Tướng-Dụng của trang nghiêm. Dựa vào Thế có Dụng cho nên nói như vậy.” Nay văn nêu ra Thế thâm nhiếp Dụng, chỉ nói là Hoa Tạng. Dựa theo Sự thì có thể như vậy, nhưng vì sao tướng trạng của sát hải như vậy? Sơ lược đưa ra hai nhân:

Một là dựa theo Như Lai Tạng thức của chúng sinh, tức là biển Hương (Hương hải) cũng là biển Pháp tánh (Pháp tánh hải); dựa vào căn bản Vô trú thì gọi là Phong luân, cũng là gió vọng tưởng (Vọng tưởng phong). Ở trong biển này có tướng của nhân quả, hằng sa tánh đức tức là hoa của Chánh nhân, pháp thuộc quả vị lai của thế gian-xuất thế gian thấy đều hàm chứa thâm nhiếp, cho nên gọi là Tạng. Nếu dùng Pháp tánh làm biển, thì tâm tức là hoa, hàm tàng cũng như vậy. Nhưng trong tướng phần của Tạng thức này, một nửa là Ngoại khí bởi vì không chấp thọ, một nửa là Nội thân chấp làm tự tánh, bởi vì phát sinh cảm giác tiếp nhận (giác thọ). Như Lai Tạng thức vì sao như vậy? Bởi vì pháp vốn như vậy, bởi vì hành nghiệp dẫn dắt.

Hai là dựa theo chư Phật, nghĩa là dùng gió Đại Nguyên duy trì biển Đại Bi, sinh ra đóa hoa của Vô biên hạnh, hàm tàng Tự lợi-Lợi

tha, pháp thuộc quả nhiễm-tịnh trùng điệp vô ngại, cho nên đã cảm đến tướng trạng của quốc độ như vậy. Vì vậy, trong phẩm Xuất Hiện, phần nhiều dùng thế giới để dụ cho đức của Phật. Tìm hiểu tường tận ý văn, thì chính là nhờ vào đức của Phật mà thế giới như vậy.

C- TÔNG THỨ: Riêng biệt hiển bày về Y báo của Đức Bốn Sư, đầy đủ ba loại thế gian, dung thông thâm nhiếp vô tận làm Tông; khiến cho các Bồ-tát phát sinh Tín-Giải, thành tựu hạnh nguyện làm Thứ. Còn lại nói như phẩm trước, chỉ là tổng quát-riêng biệt có khác mà thôi. Tướng của dung thông thâm nhiếp cũng xem ở văn trước. Hiền Thủ thiết lập pháp quán về Hoa Tạng, lại có mười đức giống nhau trên đại thể, chỉ khác nhau ở chi tiết, như văn ấy giải thích.

D- GIẢI THÍCH VĂN: Một phẩm phân làm ba: Một: Trình bày về tự Thể nhân quả của Hoa Tạng; Hai: Trình bày về sự trang nghiêm phân bố nơi Tạng hải; Ba: Trình bày về sự sai biệt của sát vông đã duy trì. Ba đoạn như thứ tự, giải thích về tên gọi của thế giới Hoa Tạng Trang Nghiêm.

Một: Trình bày về tự Thể nhân quả của Hoa Tạng, phân hai: Trước là trường hàng, sau là kệ tụng.

Trong phần trường hàng cũng có hai: 1- Nêu ra quả thuộc về người, hiển bày về nhân sâu rộng; 2- Làm sáng tỏ về Thể-Tướng của quả, phân rõ về sự dung nạp rộng rãi.

Phần 1: Nghĩa là chỉ ra sát hải này là do Đức Bốn Sư tu nhân mà thanh tịnh. Nhưng nhân sâu rộng có ba tướng thù thắng: a- Trải qua thời gian dài trong trần số kiếp tu tập về sát hải, chứ không phải chỉ là ba A-tăng-kỳ kiếp; b- Ở trong nhiều kiếp, mỗi một kiếp gặp được nhiều duyên thù thắng, chứ không phải chỉ là Phật Thắng Quán, Phật Thích-ca...; c- Ở trong nhiều duyên thù thắng, mỗi một duyên đều thanh tịnh với nhiều Đại nguyện, như nguyện làm thanh tịnh quốc độ..., chứ không phải chỉ là thanh tịnh một quốc độ không có chúng sinh... Do ba loại trên, cho nên nói là sâu rộng.

Nhưng luận Du Già-Khởi Tín..., dựa theo Tam thừa giáo mà giáo hóa một phương thích hợp với một loại thế giới, thì nhất định phải nói đến ba A-tăng-kỳ kiếp. Nay dựa theo Nhất thừa, bao gồm tất cả mười phương và thế giới như hình dáng cây cối..., cho nên nói là trần số sát hải. Vì vậy kinh Bảo Vân nói: “Ta vì chúng sinh hiểu biết nông cạn, mà nói tu hành trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp, nhưng Ta thật sự tu hành trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp.” Lại thời gian không có Thể riêng biệt, dựa vào trong pháp mà thiết lập, pháp đã vô tận thì thời gian cũng vô

cùng, hướng hồ niệm-kiếp viên dung, không cần phải cố chấp.

Phần 2: Từ “Chư Phật tử...” trở xuống là làm sáng tỏ về Thể-Tướng của quả, gieo nhân đã sâu dày thì quả chắc chắn tốt đẹp. Nhưng số lượng của quốc độ đã nương tựa thì các giáo không giống nhau. Tiểu thừa chỉ nói về một thế giới Ta-bà, Tam thừa có sự giáo hóa của Đại-Tiểu, hoặc cho rằng Sắc Cứu Cánh là Thật, hoặc phương khác có quốc độ thanh tịnh riêng biệt. Nay Nhất thừa nói về cảnh giới của mười Phật, Đại-Tiểu không ngăn ngại, tịnh-ước dung thông với nhau, tạm thời dựa vào một tướng mà nói có giới hạn biểu hiện, thật ra thì một lớp tìm theo chiều ngang đã vô biên, hướng là trùng trùng vi trần hàm chứa pháp giới? Nhưng dựa theo phần sau riêng biệt hiển bày, thuận theo có mười sự việc: Một: Phong luân làm chỗ dựa; Hai: Gió duy trì biển hương; Ba: Biển hương xuất hiện hoa sen; Bốn: Hoa duy trì vô số quốc độ; Năm: Núi bao bọc xung quanh đài hoa; Sáu: Mặt đài hoa là đất quý báu; Bảy: Mặt đất có biển hương; Tám: Trong biển có sông hương; Chín: Giữa sông có cây cối; Mười: Tổng quát kết luận về nhiều trang nghiêm.

Nay trong văn chỉ thiếu một loại về sông Hương, văn tạm thời phân bốn: a- Chủ động duy trì là Phong luân; b- Thụ động duy trì là biển hương; c- Biển hương xuất hiện hoa sen; d- Hoa duy trì vô số quốc độ. Nhưng mà nhân của quốc độ có tổng quát-riêng biệt, đã thấy ở văn trước, bởi vì hiển bày về nghĩa riêng biệt, tạm thời trình bày về một nhân thành tựu đối với một quả.

Phần a: Nhân của Phong luân, tức là Đại nguyện... cũng như trước giải thích. Trong đó, văn có ba: Một: Tổng quát nêu ra số lượng; hai: Sơ lược nêu ra tên gọi; ba: Riêng biệt nêu ra Tối thượng.

Trong mục hai: Sơ lược nêu ra, gọi là Bình đẳng trú: 1: Bởi vì duy trì tất cả các phần vị; 2: Bởi vì xứng với Thật tánh. Tên gọi còn lại có thể biết. Gió đều ở phía dưới, vật báu ở trên mặt đài hoa, dùng lực duy trì từ xa. Trong mục ba: Riêng biệt nêu ra Tối thượng, là lực thù thắng có thể duy trì biển hương, cho nên thiết lập tên gọi ấy.

Phần b: Từ “Năng trì...” trở xuống là nói về thụ động duy trì là biển hương, bởi vì ngọc Ma-ni phát ra ánh sáng soi chiếu khắp nơi, tất cả trên bờ-dưới đáy của biển và màu sắc vật báu-mặt nước hương thơm đều trang nghiêm, cho nên thiết lập tên gọi này. Vả lại, Tạng thức gọi là biển, bởi vì đầy đủ đức sâu rộng. Tuôn chảy vào gọi là nước, bởi vì tánh thuộc sát-na. Lại nữa, Phật tánh gọi là nước, bởi vì hương thơm nổi tiếng xông ướp từ xa, người thấy mà chưa chứng được. Kinh Niết Bàn cũng nói: “Có người ngửi thấy hương thơm.”

Phần c: Từ “Thử hương thủy...” trở xuống là nói về biển hương xuất hiện hoa sen, từ nhụy hoa phát ra ánh sáng khác lạ, lại phát ra hương thơm thù thắng, vượt lên cao-hạ xuống thấp, cho nên thiết lập tên gọi này. Vả lại, vạn hạnh đã phát khởi, mỗi một hạnh vốn là tánh giác, cho nên nói là ánh sáng rực rỡ, đều có thể xông ướp rộng khắp, tức là nghĩa của hương thơm.

Phần d: Từ “Hoa Tạng...” tiếp xuống là nói về hoa duy trì vô số quốc độ: Bốn phía đều bằng phẳng là tổng quát hiển bày về hình tướng, thanh tịnh kiên cố là làm sáng tỏ về Thể tánh của hoa, Kim cang bao quanh... là riêng biệt trình bày về vốn có, ngay nơi phần sau riêng biệt hiển bày đây là gốc của hoa. Một là núi, hai là đất, ba là biển, bốn là cây cối, phân biệt khác nhau tức là tổng quát hiển bày về nhiều loại trang nghiêm, chỉ thiếu một loại về sông. Bởi vì phần sau có riêng biệt hiển bày, cho nên ở đây sơ lược trình bày, tụng sau cũng sơ lược.

Trong phần kệ tụng: Như vậy phần trường hàng và phần kệ tụng, có mười thể lệ-năm cặp, đó là có và không có, mở rộng và tóm lược, tách ra và hợp lại, trước và sau là tám-chín, hoặc là vượt lên trên giữa mười, hoặc là tụng rồi trở lại tụng, cho nên giải thích về văn tụng không thể dựa theo một thể lệ, trên dưới dựa theo đây. Văn này tóm lược có bốn thể lệ: 1: Nhân vốn có duyên với hiện tại, kinh tách ra mà tụng hợp lại; 2: Tướng của quả đã thành tựu, kinh tóm lược mà tụng mở rộng; 3: Duyên hiện tại là phong luân, kinh mở rộng mà tụng tóm lược; 4: Núi-đất-biển-cây, kinh có mà tụng không có.

Mười kệ phân hai: Đầu là hai kệ, tụng về tướng của nhân trước đây, tức là phân rõ về nhân dẫn đến quả; còn lại tám kệ, tụng về tướng của quả. Trong đó phân bốn:

Một: Có một kệ rưỡi tụng về Phong luân, đều là câu trước nói về thụ động duy trì, câu sau nói về chủ động duy trì: Nửa kệ đầu là dùng quả duy trì quả; một kệ sau bao gồm trình bày về nhân chủ động thành tựu, nửa kệ trước là lìa xa chướng bởi vì nguyện làm cho thanh tịnh, nửa kệ sau là không ngăn ngại bởi vì nguyện dựa vào hư không mà an trú.

Hai: Có một kệ, tụng về biển hương, tìm theo đây hiểu rõ tên gọi.

Ba: Có ba kệ rưỡi, tụng về hoa sen: Đầu là một kệ rưỡi, giải thích về nhụy hoa có đủ loại ánh sáng, là hiển bày về hoa này dùng vật báu làm Thể. Tiếp là một kệ giải thích về nghĩa của hương, dựa vào pháp để trình bày về Phật xuất hiện trong vật báu, Phật xuất thế là nghĩa chính như từ sắc chất phát ra hương thơm xông ướp từ xa. Sau là một kệ giải

thích về nghĩa của cột cao, nói về Phật là nghĩa của vượt lên cao, điều phục chúng sinh là nghĩa của làm cho khuất phục.

Bốn: Có hai kệ, trình bày về tự tại của quốc độ, tổng quát tụng về duy trì vô số quốc độ trước đây. Kệ đầu nói về tự tại, bởi vì tất cả đều xứng với tánh, tức là Đồng thời cụ túc tương ứng môn, tâm-trần dựa theo đây suy nghĩ. Ánh sáng của vật báu hiện rõ Phật, bởi vì Y-Chánh dung thông lẫn nhau. Kệ sau là kết luận đưa về nhân rộng khắp, cho nên có thể hàm chứa thâm nhiếp.

Hai: Riêng biệt hiển bày về sự trang nghiêm phân bố nơi Tạng hải, văn phân làm sáu: 1- Núi vòng quanh bốn phía; 2- Đất là vật báu; 3- Biển hương; 4- Sông hương; 5- Rừng cây; 6- Tổng quát kết luận. Tất cả đều có kệ riêng biệt.

Phần 1: Núi vòng quanh là biểu thị cho giới đức thanh tịnh, thâm nhiếp bên trong-ngăn ngừa bên ngoài mà thành tự.

Trong phần trường hàng có ba: a- Tổng quát nêu ra nơi nương tựa; b- Từ “Chiên đàn...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về Thể-Tướng; c- Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về đức vô tận.

Phần a: Nơi nương tựa của núi tức là mặt đất bốn phía. Ngọc chúa là mặt trời, nơi nương tựa vốn là mặt đất. Bản kinh xưa nói: “Vật báu chúa là mặt trời, dựa vào mặt đất nơi hoa sen mà an trú.” Cũng có nơi nói phía trên đóa hoa lớn có riêng đóa sen này, là nơi nương tựa của núi, nghĩa tựa như không thích hợp. Sở dĩ mặt đất có được tên gọi này, là do đóa hoa trước đây gọi là nhụy hoa có đủ loại ánh sáng. Trong kệ nói: Ánh sáng rực rỡ làm thành vòng tròn. Lại nói: Trong tất cả vật báu phát ra ánh sáng thanh tịnh. Biết rõ là đóa hoa này dùng vật báu làm Thể, vậy thì như ngọc chúa là mặt trời làm hoa sen. Đây là tổng quát nói về hoa.

Trong phần b: Từ “Chiên đàn...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về Thể-Tướng, trước chọn lấy cứng rắn-sắc bén mà nói là Kim cang. Nay trình bày về đầy đủ đức, sơ lược có mười tướng: Bốn tướng trước là nói về tự Thể viên mãn, sáu tướng sau là nói về tướng trang nghiêm bên ngoài.

Bốn tướng trước: Một: Thân là tổng quát về hình tướng, Ma-ni tròn trịa sáng ngời, Chiên-đàn thơm lừng khắp nơi, đều là đức của Giới. Hai: Đỉnh núi vút cao, nghĩa là xinh đẹp vượt lên một mình tuyệt vời, uy nghiêm làm cho những pháp ác phải khuất phục. Ba: Núi vòng quanh, xưa có hai nghĩa: 1: Nơi uốn cong của núi; 2: Sườn núi nhô ra giống như tòa Sư Tử, một nửa vàng trắng là Luân, dựa theo văn kệ sau thì Luân ở

chân núi, làm nơi nương tựa của núi. Bốn: Duyên thành tựu của núi.

Trên đây nêu ra ba sự việc có Thể khác nhau. Nay hiển bày về bên trong Kim cang hàm chứa ánh sáng rực rỡ rộng khắp mà thành tựu Thể ấy, như đất đá xen tạp mà làm thành núi đồi ở thế gian. Kim cang rộng khắp cho nên có được tên gọi Kim Luân. Sáu tướng còn lại, vẫn hiển bày đều ở trong núi.

Phần c: Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận về đức vô tận.

Trong phần kệ tụng có mười kệ, văn phân làm hai: Trước là sáu kệ trình bày về Thể-Tướng trang nghiêm của núi, tụng về phần riêng biệt hiển bày trước đây; sau là bốn kệ phân rõ về Diệu Dụng tự tại của núi, cũng hiển bày về Y-Chánh vô ngại, tức là tụng về văn kết luận trước đây.

Trong phần trước là sáu kệ, phân năm: Một: Một kệ tổng quát tụng về núi vây quanh, câu đầu nói về thụ động vây quanh, hai câu tiếp nói về chủ động vây quanh, câu cuối nêu ra nhân. Nói vô biên trước đây có hai nghĩa: 1- Chỉ là tướng tổng quát hiển bày về nhiều cho nên nói là vô biên, thật sự thì biểu thị về có giới hạn; 2- Nói bên ngoài có núi vây quanh, là giới hạn của không giới hạn, bởi vì không ngăn ngại Lý mà tức là Sự. Nay nói vô biên, là không giới hạn của giới hạn, bởi vì không làm hỏng tướng mà tức là lý. Hai: Có một kệ, tụng về núi vòng quanh trước đây. Ba: Có một kệ, tụng về Thể của núi. Bốn: Có một kệ, tụng về duyên thành tựu của núi. Năm: Có hai kệ, tụng về các loại trang nghiêm như nước... trước đây và thêm vào y phục...

Trong bốn kệ sau nói về Diệu Dụng tự tại, văn đều hiển bày có thể biết.

Phần 2: Bề mặt đài hoa, đất quý báu tức là Thể, do Định của tâm tánh mà thành tựu.

Trong phần trường hàng có ba: a- Nêu ra nơi chốn; b- Từ “Nhất thiết...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về Thể-Tướng trang nghiêm; c- Tổng quát kết luận.

Trong phần b có mười câu: Một: Thể của đất, dùng Kim cang để nêu ra, giải thích bởi vì kiên cố bất hoại, mặt đất khắp nơi Hoa Tạng đều là Kim cang, cho nên mặt đất ở Bồ-đề tràng thấu đến Hoa Tạng. Hai: Tướng của đất bằng phẳng thanh tịnh. Tám câu còn lại đều là trang nghiêm, đó là: Ba: Dùng vòng quý báu để tô điểm. Bốn: Dùng kho tạng quý báu để cất giữ. Năm: Dùng vật báu khác lạ để đan xen. Sáu: Dùng mặt vụn quý báu để rải ra. Bảy: Dùng hoa sen để phân bố. Tám: Dùng hương và Ma-ni để phân biệt. Chín: Dùng vật dụng trang nghiêm

để chứa đầy. Nhưng nói về những sự trang nghiêm thì trang nghiêm có nhiều-ít, trang nghiêm quốc độ của chư Phật ba đời, mà làm trang nghiêm là hiển bày về vật dụng trang nghiêm vô tận. Mười: Dùng lưới giăng quý báu để che phủ, chiếu rọi mờ ảo trang nghiêm. Lưới giăng có tác dụng gì? Bởi vì hiện rõ tất cả hình ảnh của Phật. Lưới giăng này có tương gì? Bởi vì như lưới giăng của Thiên Đế Thích mà trải ra. Lại lưới giăng của Thiên Đế Thích này lại hiện bày vô tận, trở thành cảnh giới của Như Lai hiện bày khắp nơi trên lưới giăng, và mỗi một cảnh giới trên lưới giăng đều vô tận.

Trong phần kệ tụng, có mười kệ phân hai: Bảy kệ trước tụng về phần riêng biệt hiển bày trước đây, ba kệ sau tụng về phần tổng quát kết luận.

Trong bảy kệ trước, phân ba: Đầu có bốn kệ, tụng về tám mục trước, mà có vài điểm không theo thứ tự là hiển bày về trước đây không có hơn-kém, hoặc lặp lại-hoặc mở rộng là hiển bày về nghĩa không có giới hạn. Sợ rằng văn nhiều cho nên không phối hợp, có thể dùng ý hiểu được. Tiếp có hai kệ, tụng về vật dụng trang nghiêm như mây. Sau có một kệ, tụng về lưới giăng quý báu như lưới giăng của Thiên Đế Thích, nghĩa là một vật báu đã thu nhận tất cả, thì các vi trần của quốc độ ấy lại thấu nhiếp tất cả, tức là trùng trùng.

Trong ba kệ sau tụng về phần tổng quát kết luận, là kết luận về nơi hệ thuộc: Kệ đầu là kết luận thuộc về đạo tràng, kệ tiếp là kết luận thuộc về Phật lực, kệ sau là kết luận về người có thể nhận biết.

Phần 3: Mặt đất có biển hương: Trước đây biển rộng đã là Tạng thức, nay trình bày về các chủng tử thấu nhiếp ở trong tâm hoa, mỗi một chủng tử không lìa xa biển của Tạng thức, cho nên có nhiều biển hương, nhưng tất cả đầy đủ tánh đức cho nên đều có trang nghiêm.

Trong phần trường hàng phân hai: Một: Tổng quát nêu ra số lượng, dựa theo chủng loại của quốc độ ở văn sau và trong bản tiếng Phạn, đều có Thập Bất khả thuyết, nay thiếu đi chữ Thập, hoặc là người dịch bỏ sót, hoặc là lưu truyền biên chép sai lạc; văn sau nêu ra nơi chốn của chủng loại cũng như vậy. Hai: Từ “Nhất thiết...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về trang nghiêm, dựa theo tổng quát kết luận ở văn sau, nên nói là mỗi một biển hương đều có bấy nhiêu sự việc trang nghiêm, nay văn lược bớt không có. Nếu dựa vào văn chọn lấy nghĩa, nói tất cả tức là tất cả các biển, toàn bộ đều dùng vật báu tuyệt diệu mà làm bờ-đáy... của biển.

Văn có hai mươi câu, mười câu trước trình bày về Thế trạng của

biển: 1- Đáy biển; 2- Bờ biển; 3- Lưới giăng; 4- Nước biển; 5- Hoa; 6- Cạn lảng; 7- Âm thanh; 8- Ánh sáng; 9- Người bảo vệ hiện rõ khắp nơi; 10- Kết luận về rộng lớn vô tận. Sau từ “Thập bảo” trở xuống là mười câu thâu nhiếp về những trang nghiêm khác, chỉ riêng hoa sen trắng là ở trong nước, còn lại đều ở trên bờ.

Nói về mười vật báu, có nơi nói rằng: Vàng, Bạc, Lưu-ly, Xa-cừ, Mã-nã, San-hô, Hổ-phách, Trân châu, Mai khôi và Cẩm sắt là mười. Trong mười vật báu thì bảy loại trước tức là bảy báu; Phân-đà-lợi tức là hoa sen trắng, cũng là đang lúc nở rộ tươi đẹp; Thi-la tràng nên nói là Thí-la, Trung Hoa nói là Mỹ Ngọc (ngọc đẹp), nếu nói là Thi-la thì Trung Hoa nói là Thanh Tịnh, hai nghĩa cùng thông suốt. Còn lại đều có thể biết, dùng pháp môn để hợp lại, có thể dùng ý hiểu được.

Trong phần kệ tụng, Bồ-tát cầm tán che thì trong kinh có mà kệ không có, vắng ánh sáng rực rỡ của mặt trời thì trong kinh không có mà kệ có. Mười kệ phân hai: Ba kệ đầu tụng về mười câu trước: Kệ một tụng về đáy biển, kệ hai tụng về bờ biển và lưới giăng, kệ ba tụng về bảy loại còn lại, tìm hiểu tường tận có thể thấy. Bảy kệ còn lại, tụng về mười câu sau mà có một vài điểm không theo thứ tự, đó là: 1- Tụng về lan can bậc thêm; 2- Tụng về rừng cây; 3- Tụng về hoa nở rộ; 4- Tụng về tướng cửa cột cao; 5- Tụng về châu ngọc trên thành; 6- Tụng về lầu đài tường vách; 7- Tụng kết luận trang nghiêm thuộc về Phật, một là nhân xưa kia, hai là lực hiện tại.

Phần 4: Sông hương ở trong biển, tức là tùy theo mỗi một tâm, cùng lúc tương ứng với công đức mà tuôn chảy vào.

Trong phần trường hàng cũng có ba: a- Nêu ra số lượng; b- Từ “Nhất thiết...” trở xuống là phân rõ về trang nghiêm; c- Từ “Nhược quang...” trở xuống là kết luận về rộng lớn.

Trong phần b: Phân rõ về trang nghiêm: Những sự trang nghiêm đều không có gì sai biệt, cho nên nói là tất cả đều như nhau, nghĩa là các bậc Thánh linh qua lại quy tụ đều dùng vật báu để trang nghiêm, dùng vật báu làm Thế, vắng mây ánh sáng chiếu rọi lẫn nhau, mọi cảnh tượng càng rực rỡ hơn. Mười câu có thể biết.

Trong phần c là kết luận về rộng lớn: Sông nhỏ đã vòng quanh biển nhỏ, đã có trần số sát hải đều trang nghiêm, càng hiển bày về những điều đã nêu ra, văn kết luận không chỉ dựa theo sự, mà đều là một-nhiều vô ngại vậy thôi.

Trong phần kệ tụng có mười kệ: Một: Có nửa kệ, tụng về Kim cang là Thế của bờ biển. Hai: Có một kệ rưỡi, tụng về bờ biển trang

nghiêm bằng ngọc Ma-ni. Ba: Có một kệ, tụng về ngôn âm phát ra từ vầng mây ánh sáng. Ba kệ bốn-năm-sáu đều tụng về hình ảnh hiện rõ nơi dòng xoáy nước. Bảy: Có một kệ, tụng về lưới báu treo chuông rủ xuống che kín, và tồn bộ hiện rõ những trang nghiêm; trước đây là hiện rõ sự việc trang nghiêm, ở đây là nói về đạo hạnh. Tám: Có một kệ, tụng về Y-Chánh của Phật hiện rõ. Chín: Có một kệ, tụng về âm thanh vi diệu phát ra từ sóng biển. Mười: Có một kệ, tụng về vầng mây ánh sáng xuất hiện từ nước biển. Lại có một vài điểm phỏng theo tóm lược, có thể dùng ý hiểu được.

Phần 5: Rừng hoa ở giữa sông. Trong phần trường hàng có ba: a- Tổng quát nêu ra; b- Từ “Nhất nhất...” trở xuống là riêng biệt hiển bày; c- Từ “Kỳ hương thủy...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong phần b riêng biệt hiển bày về hai sự việc, đó là hoa và cây. Nước và bậc thêm đều như nhau mà thật ra thì có nhiều sự việc, nhưng xu thế của văn trong một đoạn này có một vài điểm khác nhau. Không nêu ra mười sự việc để hiển bày về vô tận, mà chỉ đưa ra hai sự việc lần lượt trình bày về nhiều: Đầu là một hoa sen trắng; sau là một cây quý báu.

Từ một cây quý báu này phát sinh năm nghiệp dụng: 1- Xuất hiện vầng mây trang nghiêm; 2- Vật báu chứa chiếu rọi rực rỡ; 3- Hương thơm của hoa tỏa ngát khắp nơi; 4- Phát ra âm thanh thuyết giảng về giáo pháp; 5- Mưa xuống vật báu khắp nơi. Trong đó, vẫn có tổng quát-riêng biệt và kết luận. Trong phần riêng biệt có tám sự việc nối thông với ba thế gian: Sáu sự việc đầu là hiện rõ Khí thế gian, một sự việc tiếp theo là hiện rõ Trí Chánh giác thế gian, một sự việc sau cuối là hiện rõ Chúng sinh thế gian.

Đầu là nói đến rừng lá gươm dao... là hiện rõ báo của nghiệp ác, cây hiểu ý trời... tức là báo của nghiệp thiện, trong rừng nam nữ thì sớm sinh-chiều mất, đều là biển thuộc nghiệp báo. Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là tạm thời kết luận về cây báu, mưa xuống vật báu đã có trần số sát hải, ví dụ bốn sự việc như xuất hiện vầng mây... trên đây, mỗi một loại đều như vậy, trong một cây đã có sự trang nghiêm của nhiều sát hải.

Tiếp là nêu ra hoa Phân-đà-lợi: Cũng giống như cây, hoa ấy và cây đều có trong vi trần thế giới hệ (Tứ thiên hạ), tất cả đều như vậy, chủng loại như hoa-cây.... Lại thuận theo có mọi vật như vi trần sát hải, vốn làm cho trang nghiêm vô tận.

Phần c: từ “Kỳ hương thủy...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong phần kệ tụng không theo thứ tự, văn phân làm ba: Một: Có sáu kệ, tụng về cây quý báu; hai: Có một kệ, tụng về hoa sen trắng; ba: Có ba kệ, kết luận về nhân của sự trang nghiêm, nghĩa là nhờ vào lực của chư Phật, trình bày về Thể-Dụng vô ngại, hiện bày mà luôn luôn là Như. Nhưng ba kệ này có nhiều ý nghĩa: Một kệ đầu là nói về Khí thế gian, một kệ tiếp là nói về Trí chánh giác thế gian, một kệ sau là nói về Chúng sinh thế gian, muốn trình bày trong mỗi một sự việc đều hiện bày trang nghiêm về ba thế gian, phỏng theo tóm lược văn ấy mà thôi. Lại đầu là trình bày về một quả có thể hiện bày, tiếp là ví dụ về tất cả trang nghiêm, sau là trình bày về vô lượng vô biên (trần trần) đều như vậy, từ tóm lược đến mở rộng, từ thô thiển đến vi tế. Lại đầu là trình bày về Phật lực, tiếp là làm sáng tỏ về Nguyên lực, sau là tùy theo lực của ý thích. Lại đầu là quả, sau là nhân, Nguyên nối thông với nhân quả. Lại đầu là mình, sau là người khác, Nguyên nối thông với mình và người. Lại đầu là trình bày ngay nơi Tánh mà Vô tánh-Thể vốn không sinh, tiếp là trình bày ngay nơi Tướng mà Vô tướng-hiện bày không có đi và đến, sau là trình bày về không làm hỏng Tướng ấy mà tất cả nhìn thấy không giống nhau, mới hiển bày về sự trang nghiêm của Hoa Tạng, đều không còn ngôn từ-bặt dứt suy nghĩ, không thích hợp với sự tìm hiểu của tình thức.

Phần 6: Phân rõ về trang nghiêm để tổng quát kết luận: Các đoạn trên đây, tuy nói về sự trang nghiêm mà còn chưa có thể tận cùng, cho nên nay tổng quát hiển bày. Mỗi một cảnh giới, hoặc nói ra hay không nói ra, đều trang nghiêm đầy đủ công đức của vi trần sát hải, vì vậy văn nói là tất cả cảnh giới.

Trong phần trường hàng, có hai: a- Nêu ra sự trang nghiêm khó suy lường; b- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là đưa ra nguyên cớ để giải thích. Công đức thanh tịnh, văn hàm chứa hai nghĩa: Một: Nghĩa là rất nhiều quả trang nghiêm, tức là công đức thanh tịnh; hai: Nghĩa là mỗi một quả trang nghiêm, sinh ra từ nhân của nhiều công đức thanh tịnh. Dùng nhân hưởng về quả, thích ứng làm thành bốn câu phân biệt, đó là nhiều nhân-một quả, một nhân-nhiều quả..., tùy theo mỗi một sự việc tức là nói đến khó nghĩ bàn. Vì vậy, kệ nói:

Chỉ do công hạnh vốn có của Như Lai,

Thuận theo thân thông nguyện lực mà phát sinh. Đây tức là nhân.

Nếu nói về quả trang nghiêm thì tóm lược có năm tướng: Một: Khiến cho nhiều loại đầy đủ tất cả; Hai: Khiến cho bình thường vĩnh

viễn không có thiếu hụt; Ba: Khiến cho tuyệt diệu thích hợp với tâm của chúng sinh; Bốn: Xứng với tánh Vô sinh-Vô tướng; Năm: Tự tại dung thông với nhau vô ngại. Văn kệ đầy đủ toàn bộ năm nghĩa này, cho nên nói là khó nghĩ bàn, huống là nhân-quả ngay trong nhau.

Trong phần kệ tụng có mười kệ, tất cả phân làm hai: Sáu kệ trước nói về Dụng thù thắng của quả trang nghiêm, bốn kệ sau là đối với nhân để phân rõ về quả.

Trong sáu kệ trước, phân ba: Đầu là bốn kệ riêng biệt trình bày về Dụng trang nghiêm, tiếp là một kệ kết luận thuộc về duyên hiện có, sau là một kệ tổng quát kết luận về nhiều loại.

Trong bốn kệ sau đối với nhân để phân rõ về quả: Kệ một là bởi vì hạnh nguyện-thần thông làm nhân, cho nên đạt được quả biến hóa như hình ảnh trong gương. Kệ hai là bởi vì Trí thù thắng thuộc hành rộng khắp làm nhân, cho nên đạt được quả trong một vi trần làm thanh tịnh các quốc độ. Kệ ba là bởi vì trải qua thời gian dài gần gũi thiện hữu làm nhân, cho nên đạt được quả trong một sát-na lập tức hiện bày. Kệ bốn là làm sáng tỏ về ý của quốc độ thanh tịnh, khiến cho học theo mà thực hành, nửa kệ trước là nói về Trí-Cảnh trang nghiêm ngay nơi không có trang nghiêm, nghĩa là quốc độ Tự thọ dụng rộng khắp mọi nơi, không gì sánh bằng, quốc độ Pháp tánh là Thể tánh Vô sinh, hai quốc độ đều là Vô tướng; nửa kệ sau là nói về Bi ứng hiện trang nghiêm mà không trang nghiêm, bởi vì trang nghiêm rộng khắp pháp giới, an trú mà không an trú bởi vì thường trú trong quốc độ. Trên đây là giải thích về phần Trang nghiêm, xong.

Ba: Trình bày về sự sai biệt của sát vông đã duy trì, giải thích về chữ Thế Giới trong đề mục của Phẩm. Lại trước đây trình bày về quốc độ vốn có (Bốn), nay phân rõ về thế giới phát sinh (Mạt), cho nên gồm đủ nhiệm-tịnh. Văn phân làm ba phần riêng biệt: 1- Nói cho Đại chúng biết là nhận lời thuyết giảng; 2- Từ “Chư Phật tử, thử bất khả thuyết...” trở xuống là cùng nêu ra hai chương; 3- Từ “Chư Phật tử, bỉ chư thế giới chúng...” trở xuống là mở rộng giải thích về hai chương.

Trong phần 2 là nêu ra hai chương, nghĩa là chủng loại và quốc độ. Nhưng chủng loại-quốc độ dựa vào sát hải, các quốc độ dựa vào chủng loại-quốc độ, thì rộng-hẹp có thể biết. Tên gọi từ đâu mà có được? Muốn trình bày về vô biên thế giới mà phương tiện hiển bày nhiều loại, cho nên thiết lập tên gọi này, nghĩa là tích chứa nhiều thế giới cùng ở một nơi, thấu nhiếp các chủng loại di động, cho nên gọi là chủng loại. Chủng loại như vậy lại có rất nhiều, sâu rộng vô biên cho

nên gọi là biển. Như tích chứa nhiều loại cá để làm thành một loại, các loài cá-rồng-rùa-ba ba ở nơi núi rừng-khe suối, các đảo lớn-nhỏ, chính là có nhiều loại, tất cả đều thâm nhiếp ở trong một biển rộng. Nhưng mà nói vô biên thế giới, là ngoài biển có biển, biển nối tiếp biển vô cùng tận. Nếu như vậy thì chủng loại không có Thể riêng biệt, thu nhận thế giới để thành tựu, vì sao văn sau nói là có hình thể? Tuy dựa vào chủng loại để thiết lập tên gọi về chủng loại, mà ngại gì chủng loại này có riêng Thể của mình; như nhiều lỗ ong cùng nhau làm thành một tổ ong, lẽ nào trở ngại đến tổ ong này có riêng Thể của nó? Trên đây nêu ra cá-rồng là nói rõ một phần ví dụ mà thôi. Ngay cả dựa vào nghĩa sau, cũng có thể gọi là chủng tánh. Dựa vào chủng loại này có thể phát sinh thế giới, như dựa vào một hạt thóc sinh ra nhiều hạt thóc khác. Bản kinh xưa nói là tánh, phần nhiều chọn lấy nghĩa này, sợ rằng lạm dụng đến Thể tánh, cho nên sửa lại là chủng loại. Nói là Hữu bất khả thuyết, nếu dựa theo biển hương và chủng loại ở văn sau, thì đều có mười loại Bất khả thuyết, bản tiếng Phạn cũng có. Nay ở đây thiếu chữ Thập, phần nhiều là lưu truyền biên chép bỏ sót mà thôi.

Trong phần 3 là mở rộng giải thích về hai chương, văn phân làm hai: a- Tổng quát trình bày về chủng loại-quốc độ không giống nhau, giải thích chương nói về chủng loại-quốc độ; b- Riêng biệt trình bày về biển hương thuộc chủng loại-quốc độ, cùng giải thích về hai chương. Hai đoạn đều có trường hàng và kệ tụng.

Phần a: Tổng quát trình bày về chủng loại-quốc độ không giống nhau, giải thích chương nói về chủng loại-quốc độ.

Trong trường hàng phân làm hai: Đầu là nêu ra mười môn; sau là tùy theo môn mở rộng giải thích.

Phần đầu là nêu ra mười môn: Nhưng mười môn này khác nhau về chủng loại-quốc độ, tất cả đều không tách rời Hoa Tạng đã nương tựa, cho nên nói là ở trong Thế giới hải. Mười loại đã nêu ra, so với phẩm Thành Tựu thì cũng hoàn toàn khác nhau, bởi vì phẩm ấy bao gồm tất cả các biển, phẩm này trình bày về chủng loại trong một biển. Nếu riêng biệt từng loại một hương về với nhau, thì cùng có-cùng không có; khởi lên đầy đủ nhân duyên thanh tịnh, Phật xuất hiện trong kiếp trú chuyển biến, phẩm ấy có mà phẩm này không có; năm loại như phương hương nơi chốn, phạm vi giới hạn, công hạnh nêu ra, hương đến tiến vào, năng lực gia trì, thì phẩm ấy không có mà phẩm này có; nương tựa cư trú, hình thể trang nghiêm không khác nhau, thì phẩm ấy và phẩm này đều nói giống nhau. Từ trước đến sau phát sinh lẫn nhau cũng có

mười lăm loại, đều hiển bày về mười loại là cùng biểu thị về Vô tận, mà có những điểm khác nhau là có nhiều cách làm sáng tỏ về nghĩa. Lại có những điểm giống nhau thì sợ rằng lạm dụng đến hoàn toàn sai khác. Vì sao khởi lên đầy đủ mà trước có nhưng ở đây thì không có? Bởi vì đoạn trước là tổng quát trình bày về nhân quả thành lập, trong này là chính thức phân rõ về an trú thế giới như thế nào. Phần còn lại có thể suy nghĩ dựa theo đây.

Như vậy cùng với phần trước giống nhau đã giải thích như trước, năm sự việc không giống nhau thì nay sẽ nói đến:

1: Tất cả đều có phương hướng nơi chốn, nếu viên mãn thì phương hướng nơi chốn rộng khắp pháp giới, không nơi nào không có, không ngay nơi ba cõi, không tách rời ba cõi; nếu tùy theo thích hợp thì phương hướng nơi chốn tùy theo trong mười phương, hướng về hay rời bỏ khác nhau.

2: Tất cả đều hướng đến tiến vào, là dựa vào môn mà hướng đến tiến vào; dựa theo pháp môn, đó là ba giải thoát. Lại hiện bày hòa vào lẫn nhau mà không có đến-đi...

3: Tất cả đều có phạm vi giới hạn, là dựa theo sự việc tùy theo thích hợp mà rộng-hẹp khác nhau; dựa theo phạm vi giới hạn của Phật, thì mười phương không có ranh giới.

4: Tất cả đều có công hạnh nêu ra, tức là đường đi, dựa theo Sự có thể biết, dựa theo Pháp thì dùng Đại Niệm-Tuệ Hành để làm con đường qua lại.

5: Tất cả đều có năng lực gia trì, tức là dựa theo ăn uống có thể khiến cho an trú; dựa theo pháp thì do vui thích với pháp vị rộng lớn mà duy trì. Lại ở đây cùng nêu ra, bởi vì hiển bày về mười tám loại viên mãn ở Tịnh độ của Phật do mười lăm loại thâm nhiếp.

Nói mười tám loại, đó là hiển sắc, hình sắc, phạm vi hạn lượng, phương hướng nơi chốn, nhân quả, chủ-phụ tá và quyến thuộc, đảm nhận giữ gìn sự nghiệp, thâm nhiếp lợi ích, vô úy, trú xứ, đường đi, phương tiện, cửa ngõ và nương tựa, duy trì.

Vì sao thâm nhiếp? Bởi vì ở đây đầy đủ nhân duyên tức là nhân viên mãn. Nương tựa cư trú tức là nương tựa, duy trì. Hình trạng tức là hình sắc. Thế thâm nhiếp hai loại: Một là thâm nhiếp hiển sắc, bởi vì ánh sáng rực rỡ của bảy báu làm Thế tánh; hai là thâm nhiếp quả đầy đủ, quả tùy theo chủng loại có thể biết, bởi vì dựa theo Đại viên cảnh trí của Phật tương ứng với Thức thanh tịnh mà biến hiện. Vì vậy trong kệ nói: Hoặc là một niệm tâm thị hiện khắp nơi.

Thế trang nghiêm thâm nhiếp ba loại, đó là: 1- Thâm nhiếp trú xứ, bởi vì Như Lai trang nghiêm vốn là trú xứ; 2- Thâm nhiếp hàng phụ tá, bởi vì Bồ-tát vốn là trang nghiêm; 3- Thâm nhiếp quyền thuộc, bởi vì vốn có Đại chúng khác.

Thanh tịnh thâm nhiếp ba loại: 1- Thâm nhiếp sự nghiệp, nghĩa là làm lợi ích có ý nghĩa cho hữu tình; 2- Thâm nhiếp lợi ích đã thâm nhiếp, nghĩa là hiện tại chứng được giải thoát, diệt trừ phiền não và tai họa bất ngờ; 3- Thâm nhiếp vô úy, nghĩa là bên trong không có tai họa bất ngờ, bên ngoài không có sợ hãi.

Trong này, Phật an trú thâm nhiếp hai loại viên mãn: 1- Thâm nhiếp về Chủ; 2- Thâm nhiếp về Thừa, hoặc nói là Nhất thừa... Phương hướng nơi chốn và phạm vi giới hạn, hai tên gọi hoàn toàn giống nhau. Công hạnh nêu ra tức là đường đi. Hương đến tiến vào tức là cửa ngõ. Năng lực duy trì tức là đảm nhận giữ gìn. Chuyển biến và kiếp trú thì trong mười tám loại không có, nghĩa giống với quả và sự nghiệp, thâm nhiếp cũng có thể trở thành hai mươi loại viên mãn, đối với lý không có gì trái ngược, nghĩa là kiếp trú vốn tận cùng vị lai, chuyển biến tức là thân thông biến hóa của Như Lai làm thanh tịnh tất cả Thế giới hải. Chuyển biến tức là nghĩa về viên mãn, không có gì sai biệt thì văn ấy tuy không có, mà chính vì vậy cho nên mới hiển bày về viên mãn, còn lại đều tùy theo thích hợp cho nên nói là tất cả đều không có gì sai biệt. Đã giống nhau, vì sao tất cả đều vốn không có gì sai biệt mà sự việc lại có nhiều loại? Nếu dùng mười loại này hướng về phẩm Thành Tựu, thì mười loại cũng có thể thâm nhiếp với nhau, sợ rằng văn quá nhiều cho nên không đưa ra. Lại các văn trên, trong mỗi một đoạn vốn có nhiều loại viên mãn, bởi vì mỗi một loại thâm nhiếp dung thông, cho nên khác với các Tông khác.

Phần sau là tùy theo môn mở rộng giải thích: Chỉ giải thích về ba loại, đó là nương tựa cư trú-hình trạng và Thế, bảy loại còn lại tuy tóm lược mà nghĩa ở phần trên đã nói.

Một: Trong phần nương tựa cư trú, đầu là nêu ra, sau là kết luận, văn đều có thể biết.

Hai: Trong phần hình trạng, đầu là nêu ra hai mươi loại, sau là kết luận về trần số không giống nhau. Hồi chuyển hình, là hình dáng của nếp gấp lặp đi lặp lại. Đàn thiện hình, đắp đất là Đàn, quét sạch đất là Thiện. Khư-lặc-ca là tiếng Phạn, Trung Hoa nói là Trúc Thuyên, là cái bồ đưng thóc làm bằng tre.

Ba: Trong phần trình bày về Thế, trước là nêu ra, sau là kết luận.

Trong phần nêu ra cũng có hai mươi loại, mười loại trước là sắc tướng, mười loại sau là âm thanh. Kết hợp giải thích như trước.

Trong phần kệ tụng, có mười kệ phân làm sáu: 1- Có một kệ, tụng về nương tựa cư trú. 2- Có một kệ, tụng về hình dáng và phân bố ra mà an trú. 3- Có ba kệ, tụng về Thể tánh. 4- Có ba kệ, tụng về ba sự việc: Trong kệ đầu, hai câu đầu tụng về cửa ngõ đã tiến vào, câu ba tụng về phương hướng nơi chốn, câu bốn tụng về trang nghiêm. Trong hai kệ còn lại, tụng về tướng vốn có của quốc độ rộng lớn, tức là phạm vi giới hạn về rộng-hẹp, nơi này-nơi kia hòa vào nhau; cũng tụng về hướng đến tiến vào, kệ trước lấy nhiều hòa vào một, kệ sau là một-nhiều hòa vào nhau, đều hòa vào mà không có hòa vào, hòa vào thì hủy hoại duyên khởi, không hòa vào thì hủy hoại tánh dụng. Lại chủ yếu là do không hòa vào thì mới có thể hòa vào mà thôi. Lại dựa theo Thể vốn là Không, cho nên không có xuất hiện-không có hòa vào; dựa theo Tướng không hủy hoại, cho nên như vốn có mà không sai khác; dùng Tánh dụng thông Tướng, cho nên có thể hòa vào nhau. 5- Có một kệ, tụng về không sai khác, nghĩa là mảy trần dung nạp Phật hải..., bởi vì không sai khác. 6- Có một kệ, tụng về năng lực duy trì, chủ-bạn đều là thần lực tùy ý duy trì, nói giáo hóa khắp nơi là gồm đủ pháp vị.

